

**TAND THƯỜNG XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 30 tháng 9 năm 2020  
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Hỷ;  
*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Bùi Thị Ngọc;
2. Bà: Lê Thị Huyền;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 9 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2020/TLST – HNGĐ, ngày 21/7/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Lương Thị Đ – sinh năm 1983 (có mặt);  
Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã YN, huyện TX, T. Thanh Hóa.

*2. Bị đơn:* Vi Văn D – sinh năm 1983 (vắng mặt có lý do);  
Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã YN, huyện TX, T. Thanh Hóa.  
Nơi ở hiện nay: Thôn LN, xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2020 của chị Lương Thị Đ là nguyên đơn và bản tự khai, bản ý kiến của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

\* *Về hôn nhân:* Nguyên đơn Lương Thị Đ và bị đơn Vi Văn D kết hôn với nhau vào năm 2004, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới

hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YN, huyện TX vào ngày 12/4/2004. Sau khi lấy nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc, tháng 4 năm 2013 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng về kinh tế nên anh D đã bỏ nhà đi làm ăn xa từ năm 2013 đến nay. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình động viên dàn xếp nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trước tình trạng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như vậy, hiện nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy nguyên đơn Lương Thị Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Vi Văn D.

*\*Về con cái:* Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung, tên cháu là Vi Thị H — sinh ngày 23/01/2005 và Vi Thị H1 — sinh ngày 23/01/2005, hiện nay cháu H đang ở với chị Đ, cháu H1 đang ở với anh D. Theo nguyện vọng của cháu H là muốn tiếp tục được sống với mẹ, nguyện vọng của cháu H1 là muốn tiếp tục được sống với bố. Nguyên đơn Lương Thị Đ đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con cái theo quy định của pháp luật.

*\*Về tài sản và công nợ:* Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Vi Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, qua xác minh thì bị đơn không có mặt tại địa phương, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ tạm trú của bị đơn Vi Văn D tại Thôn LN, xã IL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk. Kết quả ủy thác bị đơn Vi Văn D đã làm bản tự khai, làm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 28/8/2020 và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án anh D trình bày:

*\* Về hôn nhân:* Anh thừa nhận như nội dung mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như chị Đ trình bày, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Duẩn nhận thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh cũng đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

*\*Về con cái:* Bị đơn thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Đ trình bày, hiện nay cháu H đang ở với chị Đ ở quê và cháu H1 đang sống cùng với anh trong Đắk Lắk, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của các bên và nguyện vọng của các con để giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\*Về tài sản và công nợ:* bị đơn Vi Văn D nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về vấn đề này.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, UBND xã YN, huyện TX đã xác nhận: Qua nắm tình hình tại địa phương thì chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nào năm 2004 tại xã YN, huyện TX, sau khi lấy nhau vợ chồng anh D, chị Đ chỉ sống tại địa phương khoảng 02 tháng, sau đó đi vào các tỉnh Tây Nguyên làm ăn. Năm 2007 chỉ có chị Đ và cháu H trở về địa phương, anh D và cháu H1 không thấy về. Thực tế chị Đ và anh D sống ở địa phương thời gian rất ngắn nên thôn không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không hòa giải được đối với vụ việc trên.

\*Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc ra bản án vắng mặt bị đơn là hợp lý.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51,55,57, 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, 273, 278 BLTTDS 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Lương Thị Đ; Giao cháu Vi Thị H1 cho bị đơn Vi Văn D, cháu Vi Thị H cho nguyên đơn Lương Thị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu H1, H đến tuổi trưởng thành; Buộc nguyên đơn Lương Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lương Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Vi Văn D. Đây là tranh

chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Vi Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã YN, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt, không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và được HĐXX chấp nhận. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Vi Văn Duẩn.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Nguyên đơn Lương Thị Đ và bị đơn Vi Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã YN, huyện TX, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2014 đến nay. Chị Đ xin ly hôn, anh D đồng ý. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Lương Thị Đ và bị đơn Vi Văn D đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân 06 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lương Thị Đ và ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con cái: Xét việc đề nghị yêu cầu nuôi con của chị Đ là nguyện vọng chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tiếp tục giao cháu Vi Thị H1 cho bị đơn Vi Văn D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Vi Thị H do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo các điều kiện phát triển bình thường của các cháu cũng như việc sinh hoạt, học tập, vui chơi. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng với anh D, cháu H đang ở cùng với chị Đ ổn định, vì vậy giao cho mỗi người nuôi một cháu là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản, công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn Lương Thị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản

4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 271, 273, 278 và 280 BLTTDS; Điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

Xử:

1.Về hôn nhân:

Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Lương Thị Đ và bị đơn Vi Văn D.

2.Về con cái:

Tiếp tục giao cháu Vi Thị H1 cho bị đơn Vi Văn D và giao cháu Vi Thị H cho nguyên đơn Lương Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu H1 đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con không ai được ngăn cản.

3.Về án phí và các vấn đề khác:

Nguyên đơn Lương Thị Đ phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Lương Thị Đ đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003002, ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, Thanh Hóa. Nguyên đơn Lương Thị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Ban Tư pháp xã Yên Nhân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

**Lê Sỹ Hỷ**